

Bản án số: 96/2022/HS-PT
Ngày 24 tháng 9 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn và bà Lê Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Tuyên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 24 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị L và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/6/1985; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B và bà Trần Thị V (đã chết); có chồng là Trần Văn J và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/8/2021 đến ngày 05/9/2021 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo L: Ông Vũ Công D1 và ông Bùi Đức N, Luật sư: Văn Phòng Luật sư A, “có mặt”

Địa chỉ: Số 41. A8, ngõ 120, phường Ng, quận C1, thành phố Hà Nội.

2. Kiều Thị K, sinh ngày 10/10/1990; nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Kiều Sỹ B1 và bà Nguyễn Thị Th; có chồng là Nguyễn Văn H2 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/8/2021 đến ngày 05/9/2021 được thay thế

biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo K: Ông Trần Đại Ph, Luật sư: Công ty Luật TNHH Z, “có mặt”.

Địa chỉ: Số P8, tòa nhà Kailash, số 3, ngõ 82 phường V1, quận V2, thành phố Hà Nội.

3. Nguyễn Văn C, sinh ngày 05/01/1993; nơi cư trú: xã Đ1, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc K2 và bà Nguyễn Thị O; có vợ là Nguyễn Thị Th và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/8/2021 đến ngày 05/9/2021 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo L: Ông Vũ Công D1 và ông Bùi Đức N, Luật sư: Văn Phòng Luật sư A, “có mặt”.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/6/2021, tại khu vực phía sau trụ sở Bru Điện (VNPT) thuộc tổ dân phố M2, thị trấn H, huyện D, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Văn S, sinh năm 1978 ở tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề trái phép cho hai đối tượng tự xưng là: Đỗ Văn Q1 và Nguyễn Quang Đ2 với số tiền 5.805.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn S về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, vụ án đã được điều tra, truy tố và xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, S khai nhận: Ngoài hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho Quang và Đại, S còn có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 ở tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện D. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã tiến hành lấy lời khai của S và L đều khai nhận hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh số đề với nhau, tuy nhiên thời gian, địa điểm và tỷ lệ sát phạt cả hai đều không nhớ.

Ngày 22/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của L ở tổ dân phố Me, thị trấn H, huyện D. Kết quả khám xét đã thu giữ: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S21 màu trắng bạc, 01 quyển sổ có mặt bìa ghi chữ MINH CHÂU bên trong có các chữ và số; 01

quyển sổ tay có mặt bìa ghi chữ BUSI NESS, bên trong có ghi chép các chữ và số; 01 quyển sổ ở mặt ngoài bìa có chữ BÚT CẦU bên trong có ghi chép các chữ và số; 01 đầu thu dữ liệu camera nhãn hiệu HIK VISION. Cùng ngày, Trần Văn J, sinh năm 1982 ở tổ dân phố Đ là chồng của L tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J8 màu tím của L đang sử dụng.

Ngày 24/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D quyết định trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử, yêu cầu trích xuất dữ liệu có trong đầu thu camera HIK VISION thu được tại nhà L. Dựa trên kết luận giám định số 2021/KLGĐ ngày 17/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc và tài liệu kèm theo, xác định không có dữ liệu hình ảnh liên quan đến hoạt động mua, bán số lô, số đề hay hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Ngày 24/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D trưng cầu Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định, khôi phục trích xuất dữ liệu trong điện thoại di động Samsung Galaxy S21 màu trắng bạc, bên trong có hai thẻ sim thu được tại nơi ở của L. Dựa vào kết luận giám định số 1643/KLGĐ ngày 20/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc và các tài liệu kèm theo, xác định không có tin nhắn, hình ảnh liên quan đến hành vi đánh bạc hoặc vi phạm pháp luật khác. Ngày 24/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D trưng cầu Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định, khôi phục trích xuất dữ liệu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 màu tím của L. Tại bản kết luận giám định số 1642/KLGĐ ngày 20/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc: “Điện thoại Samsung, có số IMEI 1: 359.052.090.570.589; IMEI 2: 359.051.090.570.581: Có 151 cuộc gọi trong lịch sử cuộc gọi, 22 tin nhắn SMS, 7.797 tin nhắn từ ứng dụng Zalo, 12.306 tệp tin ảnh, không có dữ liệu từ ứng dụng Facebook Messenger. Thẻ sim có in hàng số: 898.404.885.100.054.5338, thẻ sim có in hàng số: 0984.050.918 .102.982.4619 và 01 thẻ nhớ Micro SD: Không có dữ liệu theo yêu cầu giám định”. Kết quả kiểm tra xác định có 97/12.306 tệp tin, ảnh, dữ liệu liên quan đến hành vi mua bán số lô, số đề của L.

Trên cơ sở kết luận giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã mở rộng điều tra làm rõ: Nguyễn Thị L làm nghề buôn bán tạp hóa ở chợ Me, thị trấn H, huyện D, do muốn kiếm thêm thu nhập cho bản thân, L đã nhận bán các số lô, số đề cho nhiều người với cách thức giao dịch như sau: Các đối tượng muốn mua số lô, số đề thì nhắn tin qua SMS hoặc qua ứng dụng Chat Zalo theo số điện thoại 0398.291.999 và 0985.646.685 của L; L nhắn tin trả lời lại đồng ý thì giao dịch được xác nhận, khi thanh toán tiền cho nhau sẽ thanh toán trực tiếp. Cách thức đánh bạc và tỷ lệ sát phạt được thống nhất như sau: L nhận bán các số lô, số đề và đánh bạc trực tiếp với người mua số lô, số đề; giá mua số lô tính theo đơn vị điểm (01 điểm lô giá 22.000 đồng); giá mua số đề tùy theo số tiền thỏa thuận. Các đối tượng dùng kết quả của Xổ số kiến thiết miền

Bắt diễn ra vào 18 giờ 00' cùng ngày để so sánh, đối chiếu thắng, thua với nhau: Số lô được đối chiếu với tất cả các giải thưởng từ giải Bảy đến giải Đặc biệt, số đề chỉ đối chiếu với giải Đặc biệt. Nếu các số lô, số đề của người mua trùng với 02 số cuối cùng của các giải thưởng thì người mua thắng, L phải trả cho người mua theo tỷ lệ: cứ 01 điểm lô trả 80.000 đồng, số đề trả gấp 70 lần số tiền đã mua. Nếu các số lô, số đề của người mua không trùng với 02 số cuối cùng của các giải thưởng thì người mua thua, phải chịu mất số tiền đã mua cho L. Riêng số đề ba càng được đối chiếu với 03 số cuối cùng của giải đặc biệt, nếu người mua trúng, L trả gấp 400 lần tiền đã mua.

Từ năm 2017 đến năm 2020, L đã có hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho Kiều Thị K, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Việt H3 và Nguyễn Văn L2 với tổng số tiền 379.560.000 đồng. Trong số đó, có 26 lần với tổng số tiền 247.090.000 đồng L tổ chức đánh bạc cho K, C và H3 mà số tiền sử dụng để đánh bạc trên 5.000.000 đồng. Riêng ngày 31/3/2019, L tổ chức đánh bạc cho K và C với số tiền trên 20.000.000 đồng (42.160.000 đồng), cụ thể:

Đối với Kiều Thị K là người cùng kinh doanh buôn bán ở chợ Me nên K biết L bán số lô, số đề; K đã sử dụng số điện thoại 0988.876.053 của mình gửi tin nhắn SMS và qua ứng dụng Chat Zalo đến số điện thoại 0398.291.999 và 0985.646.685 của L để đánh bạc dưới hình thức chơi số lô, số đề: Từ ngày 13/12/2017 đến ngày 16/5/2020, K đánh bạc với L 52 lần, cụ thể từng lần như sau:

Ngày 13/12/2017 K đánh bạc với L là 14.880.000 đồng. Ngày 20/12/2017, K đánh bạc với L là 9.940.000 đồng. Ngày 22/12/2017, K đánh bạc với L là 12.180.000 đồng. Ngày 27/02/2018, K đánh bạc với L là 970.000 đồng. Ngày 08/5/2018, K đánh bạc với L là 2.720.000 đồng. Ngày 21/6/2018, K đánh bạc với L là 1.400.000 đồng. Ngày 24/6/2018, K đánh bạc với L là 2.150.000 đồng. Ngày 28/9/2018 đánh bạc với L là 1.680.000 đồng. Ngày 23/12/2018 đánh bạc với L là 3.550.000 đồng. Ngày 24/12/2018, K đánh bạc với L là 2.580.000 đồng. Ngày 26/12/2018, K đánh bạc với L là 4.270.000 đồng. Ngày 28/12/2018, đánh bạc với L là 5.900.000 đồng. Ngày 29/12/2018, K đánh bạc với L là 3.580.000 đồng. Ngày 03/01/2019, K đánh bạc với L là 8.530.000 đồng. Ngày 04/01/2019, K đánh bạc với L là 5.120.000 đồng. Ngày 05/01/2019 đánh bạc với L là 5.810.000 đồng. Ngày 06/01/2019, K đánh bạc với L là 2.120.000 đồng. Ngày 07/01/2019, K đánh bạc với L là 8.420.000 đồng. Ngày 08/01/2019, K đánh bạc với L là 3.310.000 đồng. Ngày 10/01/2019, đánh bạc với L là 1.100.000 đồng. Ngày 15/01/2019, K đánh bạc với L là 3.960.000 đồng. Ngày 22/01/2019, K đánh bạc với L là 5.600.000 đồng. Ngày 27/01/2019, đánh bạc với L là 3.570.000 đồng. Ngày 30/01/2019, K đánh bạc với L là 360.000 đồng. Ngày 31/01/2019, K đánh bạc với L là 820.000 đồng. Ngày 02/02/2019, K đánh

bạc với L là 10.200.000 đồng. Ngày 08/02/2019 đánh bạc với L là 1.300.000 đồng. Ngày 10/02/2019, K đánh bạc với L là 6.860.000 đồng. Ngày 11/02/2019, K đánh bạc với L là 2.480.000 đồng. Ngày 12/02/2019, K đánh bạc với L là 3.720.000 đồng. Ngày 13/02/2019, K đánh bạc với L là 2.680.000 đồng. Ngày 14/02/2019 K đánh bạc với L là 8.540.000 đồng. Ngày 15/02/2019, K đánh bạc với L là 3.650.000 đồng. Ngày 16/02/2019, K đánh bạc với L là 1.320.000 đồng. Ngày 17/02/2019, K đánh bạc với L là 660.000 đồng. Ngày 20/02/2019, K đánh bạc với L là 1.100.000 đồng. Ngày 22/02/2019, K đánh bạc với L là 720.000 đồng. Ngày 24/02/2019, K đánh bạc với L là 2.300.000 đồng. Ngày 27/02/2019, K đánh bạc với L là 1.320.000 đồng. Ngày 04/3/2019, K đánh bạc với L là 2.640.000 đồng. Ngày 06/3/2019, K đánh bạc với L là 300.000 đồng. Ngày 12/3/2019, K đánh bạc với L là 4.400.000 đồng. Ngày 13/3/2019, K đánh bạc với L là 15.680.000 đồng. Ngày 14/3/2019, K đánh bạc với L là 2.640.000 đồng. Ngày 30/3/2019, K đánh bạc với L là 12.390.000 đồng. Ngày 31/3/2019, K đánh bạc với L là 2.860.000 đồng. Ngày 14/4/2019, K đánh bạc với L là 1.490.000 đồng. Ngày 19/4/2019, K đánh bạc với L 920.000 đồng. Ngày 14/6/2019, K đánh bạc với L là 2.920.000 đồng. Ngày 08/7/2019, K đánh bạc với L là 2.290.000 đồng. Ngày 21/02/2020, K đánh bạc với L là 300.000 đồng. Ngày 16/5/2020, K đánh bạc với L là 7.650.000 đồng.

Tổng cộng, K đánh bạc với L 52 lần, trong đó có 15 lần số tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên với tổng số tiền 137.700.000 đồng và 37 lần số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng với tổng số tiền 80.150.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn C có quan hệ họ hàng với L nên biết L bán số lô, số đề. Từ tháng 03 đến tháng 04/2019, C đã nhiều lần dùng số điện thoại 0337.827.358 của C gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại 0398.291.999 của L để đánh bạc dưới hình thức chơi số lô, số đề, cụ thể: Ngày 23/3/2019 C đánh bạc với L là 2.200.000 đồng. Ngày 24/3/2019 C đánh bạc với L là 6.120.000 đồng. Ngày 25/3/2019, C đánh bạc với L là 1.100.000 đồng. Ngày 31/3/2019, C đánh bạc với L là 39.300.000 đồng. Ngày 01/4/2019, C đánh bạc với L là 6.000.000 đồng. Ngày 02/4/2019, C đánh bạc với L là 8.800.000 đồng. Ngày 03/4/2019, C đánh bạc với L là 5.400.000 đồng. Ngày 04/4/2019, C đánh bạc với L là 2.200.000 đồng. Ngày 05/4/2019, C đánh bạc với L là 6.120.000 đồng. Ngày 06/4/2019, C đánh bạc với L là 10.200.000 đồng. Ngày 07/4/2019, C đánh bạc với L là 5.300.000 đồng. Ngày 13/4/2019, C đánh bạc với L là 2.180.000 đồng. Ngày 14/4/2019, C đánh bạc với L là 5.400.000 đồng. Ngày 15/4/2019 đánh bạc với L là 5.650.000 đồng. Ngày 16/4/2019, C đánh bạc với L là 2.200.000 đồng. Ngày 17/4/2019, C đánh bạc với L là 2.400.000 đồng. Ngày 19/4/2019, C đánh bạc với L là 2.600.000 đồng. Ngày 20/4/2019, C đánh bạc với L là 4.200.000 đồng. Ngày 23/4/2019, C đánh bạc với L là 3.680.000 đồng. Ngày 24/4/2019, C

đánh bạc với L là 1.200.000 đồng. Ngày 25/4/2019, C đánh bạc với L là 2.200.000 đồng. Ngày 26/4/2019, C đánh bạc với L là 4.000.000 đồng.

Tổng cộng, C đánh bạc với L 22 lần, trong đó có 10 lần số tiền đánh bạc từ đủ 5.000.000 đồng trở lên với tổng số tiền 98.290.000 đồng; có 12 lần số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng với tổng số tiền 30.160.000 đồng.

Ngoài các lần trên, L còn có hành vi bán số đề cho Nguyễn Văn H3 05 lần, trong đó: có ngày 21/02/2019 số tiền đánh bạc là 8.240.000 đồng và 04 lần số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng với tổng số tiền 6.300.000 đồng và L bán số đề cho Nguyễn Việt Huân và Nguyễn Văn Luân 19 lần, với tổng số tiền 18.720.000. Tuy nhiên, số tiền đánh bạc của từng ngày đều dưới 5.000.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Kiều Thị K, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn H3 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/8/2021 đến ngày 05/9/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo K và bị cáo C:

- Xử phạt bị cáo Kiều Thị K 01 (Một) năm 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/8/2021 đến ngày 05/9/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/8/2021 đến ngày 05/9/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H3 và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng, buộc án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24, ngày 26 và ngày 29 tháng 6 năm 2022, các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn C và Kiều Thị K đều có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo bổ sung thêm nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo đều khai nhận tòa sơ thẩm xét xử các bị cáo không oan sai vì các bị cáo có thực hiện hành vi phạm tội nhưng do lâu nên không nhớ cụ thể từng lần mua bán số lô, số đề. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra in một tập các tài liệu quan đến các tin nhắn zalo trong điện thoại bảo các bị cáo ký vào và nói chỉ phạt hành chính hoặc bị xử án treo nên các bị cáo ký mà không đọc hết các nội dung tài liệu của quan điều tra đưa cho ký nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại các tài liệu này. Các bị cáo thấy mức hình phạt Tòa sơ thẩm đã tuyên

đôi với các bị cáo là nặng và các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, các con của các bị cáo còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo để nuôi các con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Thị L nộp thêm một số tài liệu mới: Đơn xin xác nhận bị cáo tự nguyện thăm nuôi Bà mẹ Việt Nam Anh S là mẹ Ngô Thị Năm từ tháng 01/2020 (gửi biểu 500.000 đồng/tháng). Bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi 4 con còn nhỏ, bố chồng nhiễm chất độc màu gia cam, chồng bị chấn thương cột sống khi ngã giáo và bị bệnh ngứa thường xuyên phải đi điều trị. Mẹ đẻ là bà Trần Thị V được tặng 40 năm tuổi Đảng, bố đẻ là Nguyễn Văn B, sinh năm 1950 và có giấy chứng nhận đeo huân chương chiến sỹ hạng 3 và chú ruột là Nguyễn Ngọc, sinh năm 1953 có giấy chứng nhận đeo huân chương chiến công hạng 3; cậu ruột Trần Ngọc Đáp là Liệt sỹ. Bố chồng là Trần Quang Thạch và bác chồng Trần Văn Sơn đều nhiễm chất độc hóa học, bác chồng là Trần Văn Thuôi thương binh hạng 3/4; Ông bà nội của chồng được tặng bằng vàng danh dự.

Bị cáo Kiều Thị K nộp đơn xin xác nhận cụ Nguyễn Văn S1 và ông Nguyễn Văn Th là ông nội và bác ruột của chồng bị cáo đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tặng Bằng khen; Bà Hoàng Thị TK là mẹ chồng bị cáo có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; Liệt sỹ Nguyễn Đức M4 là bác ruột bị cáo đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Chồng bị cáo là Nguyễn Văn Hòa được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong điều tra khám phá, triệt xóa ổ nhóm cướp giết tài sản trên địa bàn huyện D.

Bị cáo C nộp đơn xin xác nhận của địa phương thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi có mẹ già yếu, vợ ốm đau và 03 con còn nhỏ. Ngoài ra bị cáo có bà nội là bà Ngô Thị R2 có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Hội đồng bộ trưởng tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì.

Tại phiên tòa, Luật sư Vũ Công Dũng bào chữa cho bị cáo L và bị cáo C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá quá trình thu thập chứng cứ của cơ quan điều tra. Cụ thể về trình tự thủ tục cơ quan điều tra thực hiện việc niêm phong vật chứng và mở niêm phong vật chứng là những chiếc điện thoại thu giữ của Trần Văn J, Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn C không đúng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản niêm phong không có người chứng kiến hoặc không có chính quyền địa phương; biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định không có xác nhận của bị can và sự tham gia của người chứng kiến (tại các BL 331,333,312,313,314 và 317). Việc niêm phong và mở niêm phong vật chứng không đúng trình tự thủ tục sẽ ảnh hưởng đến kết quả giám định và làm cho việc đánh giá vụ án không được khách quan.

Luật sư Bùi Đức N bào chữa cho bị cáo L và bị cáo C và luật sư Trần Đại Ph bào chữa cho bị cáo K xác định hành vi phạm tội của các bị cáo diễn ra từ

2017 và đã chấm dứt vào năm 2020. Trước khi phạm tội, các bị cáo đều có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và đều là lao động chính trong gia đình, có các con còn nhỏ, bố mẹ già yếu, hoàn cảnh gia đình neo đơn, khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ tối đa hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo để ở nhà nuôi con nhỏ và phụng dưỡng cha mẹ già.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Về trình tự thủ tục niêm phong và mở niêm phong vật chứng là các điện thoại của bị cáo L (do anh Thọ chồng bị cáo L nộp), bị cáo K, bị cáo C của cơ quan điều tra theo đúng quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 11 của Nghị định 127/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017, không vi phạm. Khi thu giữ và niêm phong đều lập biên bản có chữ ký của người nộp, người liên quan theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định. Khi mở niêm phong vật chứng không bắt buộc phải đầy đủ các thành phần như khi lập biên bản niêm phong quy định tại Điều 11 Nghị định. Như vậy, trình tự thủ tục khi niêm phong và mở niêm phong vật chứng của cơ quan điều tra là hoàn toàn đúng, không vi phạm vì Điều luật quy định nếu xét thấy cần thiết mới phải triệu tập đủ thành phần. Mặt khác, sau khi có kết quả các bị cáo thừa nhận toàn bộ, không khiếu nại gì. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo trình bày quá trình điều tra không bị ai đe dọa, các bị cáo không nhớ cụ thể từng lần mua bán lô đề nên khẳng định Kết luận giám định 1642/KLGĐ ngày 20/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc là chính xác và có căn cứ.

Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo L, bị cáo K và bị cáo C. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có nộp các tình tiết mới được xem xét thêm tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C, giữ nguyên mức hình phạt đã tuyên tại Bản án sơ thẩm số 38/2022/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc đối với các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C trong thời hạn luật định được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có ý kiến quá trình điều tra, cơ quan điều tra in một tập các tài liệu quan đến các tin nhắn zalo trong điện thoại bảo các bị cáo ký vào và nói chỉ phạt hành chính hoặc bị xử án treo nên các bị cáo ký mà không đọc hết các nội dung tài liệu của quan điều tra đưa cho ký nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại các tài liệu này. Luật sư Vũ Công Dũng bào chữa cho bị cáo L và bị cáo C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá quá trình thu thập chứng cứ về niêm phong và mở niêm phong vật chứng của cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử thấy khi thu giữ điện thoại của bị cáo L do chồng bị cáo nộp, chồng bị cáo có ký khi lập biên bản và niêm phong. Cũng như thu giữ và niêm phong điện thoại của bị cáo K, bị cáo C đều lập biên bản, các bị cáo có ký. Khi mở niêm phong theo quy định tại Điều 11 Nghị định 127/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 không bắt buộc phải có mặt các bị cáo. Cụ thể Điều 11 quy định: *“trường hợp mở niêm phong phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, sau đó phải niêm phong lại thì thành phần thực hiện niêm phong lại bao gồm: Những người tổ chức, người tham gia niêm phong; người, đại diện cơ quan được giao quản lý vật chứng; người chứng kiến (là đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn, đại diện Viện kiểm sát hoặc người bào chữa của bị can, bị cáo) nếu xét thấy cần thiết”*. Do đó trình tự thủ tục cơ quan điều tra thực hiện việc niêm phong vật chứng và mở niêm phong vật chứng là những chiếc điện thoại thu giữ của Trần Văn J, Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn C là đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi có kết quả giám định, cơ quan điều tra thông báo cho các bị cáo và các bị cáo ký xác nhận từng trang in ra thể hiện các tin nhắn zalo mua bán lô đề trên máy điện thoại của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khẳng định đã thực hiện hành vi mua bán lô đề nhiều lần bằng hình thức nhắn tin qua zalo trên máy điện thoại bị thu giữ nhưng đã lâu nên không nhớ cụ thể từng lần. Quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận không bị đe dọa, ép buộc và các bị cáo được tại ngoại. Khi nhận cáo trạng cũng như xét xử sơ thẩm và nhận bản án các bị cáo không có khiếu nại gì. Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ và tranh luận công khai tại tòa xác định Kết luận giám định 1642/KLGĐ ngày 20/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc là chính xác và có căn cứ. Do đó xác định các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như lời khai của các bị cáo L, K, C tại phiên tòa phúc thẩm đúng như nội dung Bản án

sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với vật chứng vụ án đã thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận trong khoảng thời gian từ đầu năm 2017 đến giữa năm 2020, Nguyễn Thị L L đã có hành vi rủ rê, lôi kéo, tổ chức đánh bạc ăn tiền dưới hình thức mua bán số lô, số đề cho Kiều Thị K, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Việt Huân và Nguyễn Văn Luân với tổng số tiền 379.560.000 đồng. Trong số đó, có 26 lần L tổ chức đánh bạc cho K, C và H3 mà số tiền sử dụng để đánh bạc trên 5.000.000 đồng, với tổng số tiền 247.090.000 đồng. Riêng ngày 31/3/2019, L tổ chức đánh bạc cho K và C với số tiền 42.160.000 đồng, cụ thể: K đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số lô, số đề với L 15 lần, với tổng số tiền đánh bạc 137.700.000 đồng. C đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số lô, số đề với L 10 lần, với tổng số tiền đánh bạc 98.290.000 đồng. H3 đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số lô, số đề với L 01 lần, với số tiền 8.240.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền sử dụng đánh bạc trong ngày 31/3/2019 giữa bị cáo L với bị cáo K và bị cáo C là 42.160.000 đồng nên hành vi của bị cáo L đã phạm vào điểm c, khoản 1, Điều 322 Bộ luật hình sự. Ngoài hành vi tổ chức đánh bạc ngày 31/3/2019 bị cáo L còn có 25 lần tổ chức đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề với tổng số tiền 247.090.000 đồng, tuy nhiên mỗi lần số tiền đánh bạc đều trên 5.000.000 đ và dưới 20.000.000đ nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần nhưng tổng số tiền bị cáo bán lô đề cho các đối tượng sẽ được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Với nội dung nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị L về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Kiều Thị K, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn H3 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 năm 08 tháng tù; bị cáo Kiều Thị K 01 năm 07 tháng tù và bị cáo Nguyễn Văn C 01 năm 06 tháng tù là đúng người, đúng tội không oan sai.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C. Tại phiên tòa, các bị cáo trình bày hoàn cảnh khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng, hiện là lao động chính trong gia đình. Bản thân các bị cáo trước khi phạm tội và gia đình luôn nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, các bị cáo đã chấm dứt hành vi đánh bạc từ sau năm 2020. Quá trình chuẩn bị xét xử phiên tòa phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo L, K, C nộp các tài liệu mới xác định các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng các bị cáo phạm tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc trong một thời gian dài từ cuối năm 2017 đến giữa năm 2020 với tổng số tiền tương đối lớn tại trung tâm chợ Me, nơi tập trung đông người, gây ảnh hưởng xấu và làm mất trật tự trị an, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thị L tham gia phạm tội với vai trò chính, bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc có khung hình phạt đến 05 năm nên thuộc trường

hợp phạm tội nghiêm trọng. Bị cáo Kiều Thị K và bị cáo Nguyễn Văn C là những người trực tiếp tham gia đánh bạc với L trong thời gian dài, các bị cáo K và C phạm tội nhiều lần, số tiền đánh bạc lớn ảnh hưởng trật tự xã hội và gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Như chúng ta đã biết cờ bạc là một trong những tệ nạn của xã hội và là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác trong xã hội nên cần phải xét xử nghiêm để phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội và giáo dục riêng đối với các bị cáo. Vì vậy, cần buộc các bị cáo chấp hành mức hình phạt tù giam như cấp sơ thẩm đã tuyên là có phù hợp và đúng pháp luật, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này trên địa bàn trong giai đoạn hiện nay và hoàn toàn phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C.

[6] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C nộp thêm tài liệu mới và được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự nhưng với tính chất, mức độ và hậu quả phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo có nhận thức, có đủ sức khỏe, có việc làm nhưng không chịu làm ăn chân chính mà tham gia tổ chức đánh bạc và đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền nhiều lần trong thời gian dài ảnh hưởng trật tự xã hội và gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên với bị cáo L 01 năm 08 tháng tù; bị cáo K 01 năm 07 tháng tù; bị cáo C 01 năm 06 tháng tù là đã thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo. Vì vậy, mặc dù các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng xét thấy hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[8] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C, giữ nguyên hình phạt đã tuyên tại Bản án hình sự sơ thẩm 38/2022/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc đối với các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Kiều Thị K, Nguyễn Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/8/2021 đến ngày 05/9/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo K và bị cáo C:

- Xử phạt bị cáo Kiều Thị K 01 (Một) năm 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/8/2021 đến ngày 05/9/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/8/2021 đến ngày 05/9/2021.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Thị L, Kiều Thị K và Nguyễn Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện D;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

